**Bài 9. BÀI TOÁN GIẢI BẰNG BỐN BƯỚC TÍNH**

**(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

–Làm quen với “Bài toán giải bằng bốn bước tính”, củng cố phương pháp giải bài toán (cũng là phương pháp giải quyết vấn đề).

–Vận dụng vào giải quyết vấn đề đơn giản.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hđ nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Các thẻ từ có viết bốn bước giải toán và hình ảnh cho hoạt động Khởi động; thẻ từ (hoặc bảng phụ) ghi bước giải của Thực hành 1, hình vẽ bài Luyện tập 3

**2/ Học sinh:** SGK, bảng con, bảng phụ

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.  • GV chia lớp thành hai đội, bốn HS/đội.    – GV trình chiếu (hoặc treo) tranh cho HS đọc các bóng nói (từ trái sang phải).    - GV giới thiệu hình ảnh phần Khởi động  - Giới thiệu bài mới: | •HS lên sắp xếp theo đúng thứ tự các bước giải toán.  Đội nào gắn xong trước và đúng thì thắng cuộc.  - HS đọc các bóng nói |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Giới thiệu bài toán và cách giải**  **-** Mục tiêu:  Làm quen với “Bài toán giải bằng bốn bước tính”, củng cố phương pháp giải bài toán (cũng là phương pháp giải quyết vấn đề).  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài toán**  GV trình chiếu (hoặc treo) đề bài cho HS đọc.  **1. Tìm hiểu và tóm tắt bài toán**  GV vấn đáp và cùng HS thực hiện tóm tắt lên bảng lớp  **2.Tìm cách giải bài toán**  Dựa vào tóm tắt, có thể tìm cách giải theo các cách sau:  *•Xuất phát từ những gì bài toán cho*  –Bài toán cho biết những gì?  –Từ những điều trên, ta tìm được gì?  –Sử dụng quy tắc nào?  –Từ đó, tìm diện tích của nhà kho và các lối đi như thế nào?  *•Xuất phát từ câu hỏi của bài toán*  –Bài toán hỏi gì?  –Muốn tìm diện tích nhà kho và các lối đi ta phải biết gì?  –Để tìm tổng diện tích sân khấu và sàn tập ta phải tìm gì?  –Dựa và đâu để tìm?  –Sử dụng quy tắc nào?  **3. Giải bài toán**  **4. Kiểm tra lại**  – GV khuyến khích HS giải thích tại sao lại lựa chọn phép tính như vậy.  - GV nhận xét, tuyên dương. | – HS đọc kĩ đề bài, xác định cái đã cho và cái phải tìm.  HS thực hiện tóm tắt lên bảng lớp.  Có thể tóm tắt như sau:    –Diện tích nhà đa năng;  Diện tích sân khấu bằng diện tích nhà đa năng  Diện tích sàn tập bằng diện tích nhà đa năng  –Diện tích sân khấu, diện tích sàn tập.  –Tìm giá trị phân số của một số.  –Lấy diện tích nhà đa năng trừ đi tổng diện tích sân khấu và sàn tập.  –Diện tích nhà kho và các lối đi.  –Diện tích nhà đa năng đã biết và tổng diện tích sân khấu và sàn tập.  –Tìm diện tích từng nơi.  –Diện tích sân khấu bằng diện tích nhà đa năng; diện tích sàn tập bằng  diện tích nhà đa năng.  –Tìm giá trị phân số của một số.  HS hoàn thiện bài giải.  Bài giải  Diện tích sân khấu là:  600 × = 60 ()  Diện tích sàn tập là:  600 × = 450 ()  Diện tích sân khấu và sàn tập là:  60 + 450 = 510 ()  Diện tích nhà kho và các lối đi là:  600 – 510 = 90 ()  Đáp số: 90 .  Dựa vào hướng dẫn trong SGK, HS nhóm đôi tự kiểm tra lại rồi trình bày. |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: Vận dụng vào giải quyết vấn đề đơn giản.  **-** Cách tiến hành: | |
| **-**GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT1  -GV cho HS thảo luận nhóm đôi  - Bài toán có mấy yêu cầu?  – Khi sửa bài, GV có thể tổ chức cho HS chơi tiếp sức, khuyến khích HS giải thích tại sao chọn các bước tính theo thứ tự này.  GV có thể cho HS sắp xếp các thẻ phụ (hoặc nối trên bảng phụ).  Lưu ý: Bước 2 và Bước 3 có thể đổi cho nhau  (Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó). | - 1HS đọc yêu cầu BT1   HS (nhóm đôi) đọc kĩ đề bài, nhận biết cái phải tìm, cái đã cho và yêu cầu bài toán, rồi thực hiện.   Bài toán có 3 yêu cầu:  a) Trả lời các câu hỏi.  b) Sắp xếp các bước tính cho phù hợp.  c) Giải bài toán.    c) Bài giải  346 : 2 = 173  Nửa chu vi sân bóng đá là 173 m.  (173 – 37) : 2 = 68  Chiều rộng sân bóng đá là 68 m.  68 + 37 = 105  Chiều dài sân bóng đá là 105 m.  105 × 68 = 7 140  Diện tích sân bóng đá là 7 140 m2. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| – GV tổng kết bài học, củng cố kiến thức  -GV nhận xét tiết học, tuyên dương  -Dặn dò | –HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**Bài 9. BÀI TOÁN GIẢI BẰNG BỐN BƯỚC TÍNH**

**(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

– Làm quen với “Bài toán giải bằng bốn bước tính”, củng cố phương pháp giải bài toán (cũng là phương pháp giải quyết vấn đề).

– Vận dụng vào giải quyết vấn đề đơn giản.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hđ nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Các thẻ từ có viết bốn bước giải toán và hình ảnh cho hoạt động Khởi động; thẻ từ (hoặc bảng phụ) ghi bước giải của Thực hành 1, hình vẽ bài Luyện tập 3

**2/ Học sinh:** SGK, bảng con, bảng phụ

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức cho HS hát, múa tạo không khí vui tươi.  - Giới thiệu bài mới: | • HS thực hiện theo hướng dẫn của GV. |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: Vận dụng vào giải quyết vấn đề đơn giản.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Luyện tập**  **Bài 1:**  **-**GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT1  -GV cho HS thảo luận nhóm đôi  Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích tại sao chọn các bước tính theo thứ tự này.  **Bài 2:**  -GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT2  -GV cho HS thực hành cá nhân  –Lưu ý HS nhận biết:  + Phải tính trung bình cộng số đường bán được trong các ngày nào?  + Muốn tính được trung bình khối lượng đường bán được trong 1 ngày đó ta phải tính gì?  -GV mời HS trình bày  –Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói cách làm. | - 1HS đọc yêu cầu BT1   HS (nhóm đôi) thảo luận và thực hiện theo 4 bước.  Bài giải  65 000 + 57 000 = 122 000  Nhân mua vở hết 122 000 đồng.  65 000 : 5 = 13 000  Giá tiền một quyển vở loại II là 13 000 đồng.  13 000 × 8 = 104 000  Hiền mua vở hết 104 000 đồng. 104 000 + 122 000 = 226 000  Cả hai bạn mua vở hết 226 000 đồng.  Ví dụ:    •Bài toán hỏi: Cả hai bạn mua vở hết bao nhiêu tiền?  •Nhân mua vở hết bao nhiêu tiền? (Chưa biết, bài toán chỉ cho biết Nhân mua 5 quyển vở loại II hết 65 000 đồng và 3 quyển vở loại I hết 57 000 đồng.)  •Hiền mua vở hết bao nhiêu tiền? (Chưa biết, bài toán chỉ cho biết mua 5 quyển vở loại II hết 65 000 đồng)  Muốn tìm được số tiền Hiền mua 8 quyển vở loại II  Phải tìm được giá tiền 1 quyển vở loại II.  •Gộp số tiền Nhân mua vở và số tiền Hiền mua vở  Tìm được số tiền cả hai bạn mua vở.  -HS đọc yêu cầu BT2  – HS (cá nhân) đọc kĩ đề bài, nhận biết cái phải tìm, cái đã cho và thực hiện.  + 5 ngày còn lại.  + Khối lượng đường còn lại bán trong 5 ngày.  Bài giải  200 × 3 = 600  Ngày thứ hai cửa hàng bán được 600 kg đường.  200 + 600 = 800  Hai ngày đầu cửa hàng bán được 800 kg đường.  2 tấn = 2 000 kg  2 000 – 800 = 1 200  Cửa hàng bán hết 1 200 kg đường trong 5 ngày còn lại.  1 200 : 5 = 240  Trong 5 ngày này, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được 240 kgđường.  Ví dụ:  Tìm khối lượng đường bán trong ngày thứ hai. Gấp một số lên một số lần . Phép nhân.Tìm khối lượng đường bán trong hai ngày đầu. Gộp . Phép cộng. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 3:**  – GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT3  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi  - HS chia sẻ trước lớp  Khi sửa bài, GV có thể treo (hoặc trình chiếu) hình vẽ lên cho HS quan sát và khuyến khích HS thao tác trên hình vẽ để giải thích tại sao lại chọn đáp án đó. | -HS đọc yêu cầu BT3  – HS nhóm đôi tìm hiểu bài, thảo luận và thực hiện.  – Các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét.  a) Đ b) S c) Đ  Ví dụ:  a) Vườn hoa có chiều dài là 3 m (vì 7 – 4 = 3).  Diện tích trồng hoa là 6 m2 (vì 3 × 2 = 6). |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**Bài 10. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ**

**(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

– Nhận biết được bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó và giải được bài toán.

– Vận dụng giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV**: Các hình ảnh có trong bài, viết sẵn đề bài toán Khởi động trên bảng phụ (nếu cần).

**HS**: Bộ đồ dùng học toán.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + *Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.*  *+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.*  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức để các nhóm GQVĐ.  **Bước 1: Tìm hiểu vấn đề**  GV treo (hoặc trình chiếu) hình vẽ Khởi động.  Chia 20 kg gạo thành 2 bao, bao này bằng bao kia  Mỗi bao có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?   * GV hệ thống lại việc làm của các nhóm và đặt vấn đề:   Ta đã tìm được khối lượng mỗi bao gạo bằng cách thử chọn.  Trong nhiều trường hợp cách này rất phức tạp, đặc biệt khi các số liệu được biểu thị bằng phân số hay số thập phân.   * GV giới thiệu bài.   Có cách nào đơn giản có thể áp dụng cho mọi trường hợp của dạng bài toán này?  **** **Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.** | * **Bước 1:** **Tìm hiểu vấn đề**   HS quan sát, đọc kĩ các thông tin và nhận biết vấn đề cần giải quyết:   * **Bước 2:** **Lập kế hoạch**   Nêu được cách thức GQVĐ.  Các em có thể tính toán hoặc dùng ĐDHT mô tả (mỗi HS đếm: que tính, chấm tròn, ... thay cho 1 kg gạo).   * **Bước 3:** **Tiến hành kế hoạch**   Các nhóm thực hiện và trình bày trước lớp. Có thể có các cách khác nhau, chẳng hạn:  + Xuất phát từ tổng khối lượng gạo:  Thử các cặp số đo có tổng 20 kg, chọn cặp  số đo có tỉ số là 2 .  3  10 kg  9 kg  8 kg  10 kg 11 kg 12 kg  Chọn 8 kg và 12 kg (vì 8 = 2 ).  12 3  + Thử các căp số đo có tỉ số 2 , chọn cặp số  3  đo có tổng là 20 kg.  2 kg  4 kg  6 kg  8 kg  3 kg 6 kg 9 kg 12 kg  Chọn 8 kg và 12 kg (8 + 12 = 20).   * Bước 4: **Kiểm tra lại**   Cả hai bao: 8 + 12 = 20 (kg).  Tỉ số của bao nhẹ và bao nặng: 8 = 2 ).  12 3  HS lắng nghe |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới:**  **-** Mục tiêu: *Nhận biết được bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó và giải được bài toán.*  **-** Cách tiến hành: | |
| 1. **Bài toán 1:** Tổng của hai số là 20. Tỉ số   của hai số đó là 2 . Tìm hai số đó.  3   * + Hướng dẫn tìm hiểu bài:   + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán yêu cầu gì?  + Do tỉ số là 2/3 nên trong hai số phải tìm, có một số bé và một số lớn. | – HS tìm hiểu bài:  + Tổng hai số là 20, tỉ số của hai số đó là 2 .  3  + Tìm hai số đó. |
| * + Hướng dẫn tìm cách giải:   + Hãy tóm tắt bài toán bằng sơ đồ đoạn thẳng thể hiện số bé bằng 2/3 số lớn.  + Thể hiện tổng của hai số trên tóm tắt.  + Biểu thị yêu cầu của bài toán trên tóm tắt.  A diagram of a rectangular object with a question mark  Description automatically generated  + Quan sát sơ đồ, hãy giải thích tỉ số của hai số là 2/3  + Dựa vào hình vẽ (trên sơ đồ), cho biết 20 gồm những gì.  + Nếu biết giá trị 1 phần, ta sẽ tìm được số bé và số lớn.  + Hãy tìm giá trị 1 phần.  + Tìm số bé.  + Tìm số lớn.   * + Hướng dẫn cách trình bày bài giải:   + Ta đã dựa vào sơ đồ đoạn thẳng để giải bài toán, do vậy sơ đồ là một bộ phận của bài toán (sơ đồ là yêu cầu bắt buộc khi giải bài toán “Tổng – Tỉ”).  – GV khái quát hoá cách làm bài toán “Tổng – Tỉ”.   |  | | --- | | Vẽ sơ đồ đoạn thẳng rồi thực hiện các bước sau.  Bước 1: Tìm tổng số phần bằng nhau. Bước 2: Tìm giá trị một phần.  Bước 3: Tìm số bé (hoặc số lớn). Bước 4: Tìm số lớn (hoặc số bé).  *Lưu ý:* Tìm số bé hay số lớn trước đều được (lấy giá trị 1 phần nhân với số phần). | | A black rectangle with black lines  Description automatically generated  + HS thực hiện trên bảng con.  A black rectangle with black lines  Description automatically generated  A diagram of a rectangular object with a question mark  Description automatically generated  + Số bé gồm 2 phần bằng nhau, số lớn gồm 3 phần như vậy.  + 5 phần bằng nhau.  Giá trị 1 phần là: 20 : 5 = 4  Số bé là: 4 × 2 = 8  Số lớn là: 4 × 3 = 12 hay 20 – 8 = 12  Bài giải  Theo đề bài, ta có sơ đồ:  A diagram of a rectangular object with a question mark  Description automatically generated  Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là: 2 + 3 = 5 (phần)  Giá trị của một phần là:  20 : 5 = 4  Số bé là:  4 × 2 = 8  Số lớn là:  20 – 8 = 12  Đáp số: Số bé: 8;  Số lớn: 12. |
| **2. Bài toán 2:** Khối lớp 2 và khối lớp 5 trồng được 84 cây. Số cây của khối lớp 5 trồng được gấp 3 lần số cây của khối lớp 2. Hỏi mỗi khối lớp đã trồng được bao nhiêu cây?  – Hướng dẫn tìm cách giải.  + Bài toán yêu cầu gì?  + Bài toán cho biết gì về sự liên quan giữa hai số cây phải tìm?  + Loại bài toán gì?  + Xác định số số bé, số lớn rồi giải bài toán.  *Lưu ý:* Khi số bé chỉ có 1 phần thì giá trị một phần chính là số bé. | * HS tìm hiểu bài, xác định cái đã cho và cái phải tìm.   + Bài toán yêu cầu : Tìm số cây mỗi khối lớp đã trồng được.  + Bài toán cho biết : Tổng là 84 cây; tỉ số là 1/3 do số cây khối Năm gấp 3 lần khối Hai.  + Bài toán dạng: “Tổng – Tỉ”.   * HS nhóm đôi vẽ sơ đồ đoạn thẳng rồi hoàn thiện bài giải.   Bài giải  Theo đề bài, ta có sơ đồ:  A diagram of a line with a question mark  Description automatically generated with medium confidence  Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:  1 + 3 = 4 (phần)  Giá trị của một phần hay số cây khối lớp 2 trồng là:  84 : 4 = 21 (cây)  Số cây khối lớp 5 trồng là:  84 – 21 = 63 (cây)  Đáp số: Khối lớp 2: 21 cây;  Khối lớp 5: 63 cây. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | |
| GV khái quát hoá cách làm bài toán “Tổng – Tỉ”.  -GV nhận xét tiết học, tuyên dương.  - Dặn dò | * HS lắng nghe và nhắc lại   Vẽ sơ đồ đoạn thẳng rồi thực hiện các bước sau.  Bước 1: Tìm tổng số phần bằng nhau. Bước 2: Tìm giá trị một phần.  Bước 3: Tìm số bé (hoặc số lớn). Bước 4: Tìm số lớn (hoặc số bé).   * HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

**Bài 10. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ**

**(Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó và giải được bài toán.

- Vận dụng giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV**: Các hình ảnh có trong bài, viết sẵn đề bài toán Khởi động trên bảng phụ (nếu cần).

**HS**: Bộ đồ dùng học toán.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + *Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.*  *+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.*  - Cách tiến hành: | |
| – GV tổ chức cho HS hát, múa tạo không khí vui tươi.  - GV nhận xét, giới thiệu bài mới Tiết 2 | – HS múa hát   * HS ghi vở |
| **2. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Vận dụng giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.*  **-** Cách tiến hành: | |
| ***Thực hành***  **Bài 1:**  -GV yêu cầu HS đọc yêu cầu BT1  -GV cho HS thảo luận nhóm đôi  -Khi sửa bài, GV có thể cho HS thi đua sửa tiếp sức, HS nói cách làm và cách thử lại. | -HS đọc yêu cầu BT1  -HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài.  Quan sát mẫu, kiểm tra: 14 + 35 = 49, tỉ số:  14 = 2  35 5  - Mỗi cột là một câu: Biết tổng và tỉ số, tìm hai số.  – HS **thực hiện** cá nhân, chia sẻ nhóm đôi. |
| *Luyện tập*  **Bài 1:**  **–** Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm. | -- HS **tìm hiểu** bài: Xác định tổng, tỉ số   Nhận dạng bài toán  Xác định số lớn, số bé.  -- HS **thực hiện** cá nhân.  - Sửa bài, HS **nói** cách làm và cách thử lại. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 2:**   * Lưu ý HS **nhận biết**: Tổng bằng ½ chu vi HCN * Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS nói cách làm.   Ví dụ: Bài toán chưa cho biết tổng hai số   Tổng hai số là tổng chiều dài và chiều rộng   Nửa chu vi  Phép chia (chu vi chia 2). Vẽ sơ đồ: số bé là chiều rộng, số lớn là chiều dài, tỉ số của chiều rộng và chiều dài là 1/4  **Bài 3:** | * HS (cá nhân) **đọc** kĩ đề bài, **nhận biết** cái phải tìm, cái đã cho và **thực hiện**.   Bài giải  Tổng chiều dài và chiều rộng của thửa ruộng là: 90 : 2 = 45 (m)  Ta có sơ đồ:  A diagram of a diagram of a diagram  Description automatically generated with medium confidence  Tổng số phần bằng nhau là :  1 + 4 = 5 phần.  Chiều rộng của thửa ruộng là  45 : 5 = 9 (m)  Chiều dài của thửa ruộng là :  45 – 9 = 36 (m)  Trả lời: Chiều rộng là 9 m;  Chiều dài là 36 m.   * HS **đọc** kĩ đề bài, **nhận biết** yêu cầu của bài, cái phải tìm, cái đã cho.   + Yêu cầu của bài: **Số?**  + Cái đã cho:  Diện tích căn phòng: 32 m2. Diện tích viên gạch: 16 dm2.  Số gạch màu trắng gấp 3 lần số gạch màu xanh.  + Cái phải tìm: Số viên gạch màu xanh và số viên gạch màu trắng. |
| * Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm).   **Thử thách**   * Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn đáp án **D**.   **Vui học**  A cartoon of kids looking at a city  Description automatically generated  **–** Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS trình bày bài giải (có giải thích cách làm). | * HS nhận biết:   Số bé: Số viên gạch màu xanh; Số lớn: Số viên gạch màu trắng.  Tỉ số: 3  1   Nếu biết thêm tổng của số gạch thì tìm được số gạch mỗi loại  (Bài toán Tổng – Tỉ số)   Ở bài này, tổng số viên gạch chưa biết, có tìm được không?  (Diện tích căn phòng: diện tích viên gạch, cùng đơn vị đo là đề-xi-mét vuông.)   * HS **làm** bài cá nhân. * Bước 1: Tìm tổng số viên gạch   (Đổi 32 m2 = ? dm2  chia).   * Bước 2: Vẽ sơ đồ  Tìm tổng số phần bằng nhau. * Bước 3: Tìm số bé  Số viên gạch màu xanh. * Bước 4: Tìm số lớn  Số viên gạch màu trắng.   – HS **xác định** yêu cầu, **thực hiện** cá nhân. Ví dụ:  Số lớn: Khối lượng cá  Số bé: Khối lượng thịt  Tổng: 2 kg 400 g = 2 400 g  Tỉ số: 2  1  1 600 : 800 = 2  Khối lượng cá gấp 2 lần khối lượng thịt.  1 600 + 800 = 2 400  Tổng  …  – HS **đọc** kĩ đề bài, nhận biết:  + Yêu cầu: **Số?**  + Cái đã cho:  Có tất cả 20 chùm  Tổng  Cứ 3 chùm đỏ lại có 1 chùm vàng  Tỉ số  vàng và đỏ là 1/3   Số bé: số chùm pháo hoa màu vàng, số lớn: số chùm pháo hoa màu đỏ.  + Cái phải tìm: Số chùm pháo hoa màu vàng và số chùm pháo hoa màu đỏ.  – HS **làm** bài cá nhân.  Bài giải  Tổng số phần bằng nhau là:  3 + 1 = 4 (phần)  Chùm pháo hoa màu vàng có là:  20 : 4 = 5 (chùm)  Chùm pháo hoa màu đỏ có là:  20 – 5 = 15 (chùm)  Trả lời: Pháo hoa đỏ: 15 chùm. Pháo hoa vàng: 5 chùm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**Bài 11.**

**TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ**

**(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

–Nhận biết được bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó và giải được bài toán.

–Vận dụng giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Các hình ảnh có trong bài, viết sẵn đề bài toán Khởi động trên bảng phụ (nếu cần). HS: Bộ đồ dùng học toán.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  ***- Mục tiêu:*** + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  ***- Cách tiến hành:*** | |
| * GV Hỏi nhanh đáp gọn về cách giải bài toán “Tổng – Tỉ”. * GV treo (hoặc trình chiếu) hình vẽ Khởi động.   A cartoon of a person wearing a conical hat  Description automatically generated | HS trả lời  HS quan sát, đọc kĩ các thông tin và nhận biết vấn đề cần giải quyết: Bài toán “Hiệu – Tỉ”. |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới:**  ***- Mục tiêu: N***hận biết được bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó và giải được bài toán.  ***- Cách tiến hành:*** | |
| **Bài toán 1:**  Hiệu của hai số là 150. Tỉ số của hai số đó là Tìm hai số đó.  GV đặt vấn đề: Ở bài “Tổng – Tỉ”, để tìm mỗi số ta dựa vào sơ đồ đoạn thẳng để tìm giá trị 1 phần. Tương tự, hãy tìm mỗi số ở bài này.  GV hệ thống lại:  Tóm tắt bài toán bằng sơ đồ đoạn  thẳng.  Bước 1: Tìm hiệu số phần bằng  nhau.  Bước 2: Tìm giá trị một phần.  Bước 3: Tìm số bé (hoặc số lớn).  Bước 4: Tìm số lớn (hoặc số bé).  **2. Bài toán 2:**  Một phân xưởng may có số công nhân nữ gấp 5 lần số công nhân nam. Biết rằng số công nhân nữ nhiều hơn số công nhân nam là 48 người. Hỏi phân xưởng đó có bao nhiêu công nhân nữ, bao nhiêu công nhân nam?  – Hướng dẫn tìm cách giải.  + Bài toán yêu cầu gì?  + Bài toán cho biết gì về sự liên quan giữa hai số công nhân phải tìm?  + Loại bài toán gì?  + Xác định số số bé, số lớn rồi giải bài toán.  Lưu ý: Khi số bé chỉ có 1 phần thì giá trị một phần chính là số bé. | HS tự tóm tắt bài toán bằng sơ đồ đoạn thẳng rồi giải thích cách vẽ sơ đồ.  A diagram of a diagram  Description automatically generated   * HS thảo luận nhóm bốn, thảo luận các bước làm rồi nêu các bước làm. * HS hoàn thiện bài giải.   Bài giải  Theo đề bài, ta có sơ đồ:  A diagram of a diagram  Description automatically generated  Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:  9 – 4 = 5 (phần) Giá trị của một phần là:  150 : 5 = 30   |  | | --- | | Số bé là: 30 × 4 = 120 | | Số lớn là: 120 + 150 = 270 | | Đáp số: Số bé: 120; | | Số lớn: 270. | | – HS nhóm đôi kiểm tra lại. | | 270 – 120 = 150 🡪 Hiệu hai số là 150. | | = =  🡪 Tỉ số của hai số là |   – HS tìm hiểu bài, xác định cái đã cho và cái phải tìm.  + Tìm số công nhân nữ và số công nhân nam.  + Hiệu là 48 người; tỉ số của nam và nữ là do nữ gấp 5 lần nam.  + Hiệu – Tỉ.  – HS nhóm đôi vẽ sơ đồ đoạn thẳng rồi hoàn thiện bài giải.  Bài giải  Theo đề bài, ta có sơ đồ:    Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:  5 – 1 = 4 (phần)  Giá trị của một phần hay số công nhân nam là:  48 : 4 = 12 (người)  Số công nhân nữ là:  12 + 48 = 60 (người)  Đáp số: Số công nhân nam: 12 người;  Số công nhân nữ: 60 người.  – HS nhóm đôi thử lại. |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Vận dụng giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.*  **-** Cách tiến hành: | |
| **Thực hành**  **Bài 1:**  **-**GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT1  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân và chia sẻ trong nhóm đôi  -GV mời HS chia sẻ trước lớp và nói cách làm | - 1HS đọc yêu cầu BT1  – HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài.  Quan sát mẫu, kiểm tra: 45 – 18 = 27, tỉ số:  Mỗi cột là một câu: Biết hiệu và tỉ số,  tìm hai số.  – HS thực hiện cá nhân, chia sẻ nhóm đôi.  – Sửa bài, có thể thi đua sửa tiếp sức, HS nói cách làm và cách thử lại. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | |
| -GV nhận xét tiết học, tuyên dương  -Dặn dò | -HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |